

KẾ HOẠCH

Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR index) tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2018-2020

Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR Index) là bộ chỉ số nhằm theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng trên cơ sở lượng hóa kết quả triển khai cải cách hành chính (CCHC) hàng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ.

Qua 03 năm đánh giá, xếp hạng Chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh Tiền Giang không ổn định và luôn giảm dần:

- Năm 2015, đạt 85,51 điểm, xếp thứ 32/63 tỉnh, thành phố.
- Năm 2016, đạt 70,61 điểm (giảm 14,9 điểm), xếp thứ 39/63 tỉnh, thành phố (giảm 7 hạng so với năm 2015).
- Năm 2017, đạt 73,64 điểm (tăng 3,03 điểm), xếp thứ 51/63 tỉnh, thành phố (giảm 12 hạng so với năm 2016).

Để cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2018 - 2020, UBND tỉnh ban hành kế hoạch với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh (đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương) trong công tác CCHC nói chung và trong xác định Chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh nói riêng.

- Cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2018-2020 trên tất cả các lĩnh vực theo Đề án xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017.

- Tiên tiến nâng vị trí xếp hạng Chỉ số CCHC của tỉnh năm sau cao hơn năm trước và nằm trong nhóm khá các tỉnh, thành phố trong cả nước.

2. Yêu cầu

- Bám sát các nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020 ban hành tại Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 05/5/2016 của UBND tỉnh CCHC nhà nước tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016-2020; Đề án xác định Chỉ số

CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ban hành tại Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành tập trung vào các nội dung, lĩnh vực mà Chỉ số CCHC tỉnh Tiền Giang còn yếu và bị mất điểm.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; tăng cường sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân trong quá trình triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh.

II. NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành

1.1. Nội dung triển khai

- Ban hành kịp thời chương trình, kế hoạch CCHC hàng năm và các kế hoạch chuyên đề thuộc Chương trình CCHC, bao gồm: Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC, Kế hoạch kiểm tra,... và thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo đúng quy định của Bộ Nội vụ.

- Có giải pháp tuyên truyền về CCHC bằng nhiều hình thức, đổi mới nội dung nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; nhận thức, trách nhiệm của người dân và tổ chức về CCHC.

- Tổ chức các hoạt động khảo sát, điều tra, nhằm đánh giá, đo lường sự hài lòng và thu nhận ý kiến của người dân đối với sự phục vụ của CBCC và cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh Tiền Giang.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện công tác CCHC của các cơ quan nhà nước các cấp. Xử lý kịp thời các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

- Nâng cao chất lượng, tính kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của tỉnh. Phát huy tinh thần năng động, sáng tạo trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng hàng năm của tập thể và người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

1.2. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ.

- Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành tỉnh; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Ấp Bắc; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL

2.1. Nội dung triển khai

- Ban hành kịp thời các kế hoạch: Theo dõi thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; kế hoạch kiểm tra thực hiện văn bản QPPL tại tỉnh.

Kịp thời phát hiện những văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hoặc hết hiệu lực, cần sửa đổi, bổ sung để đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời.

- Đảm bảo triển khai được trên 100% các nội dung trong kế hoạch và phải có thống kê, tổng hợp, báo cáo chi tiết, kịp thời, theo quy định của Bộ Tư pháp.

- Nâng cao chất lượng các văn bản QPPL do tỉnh ban hành: Mức độ phù hợp, tính khả thi, tính hiệu quả...

2.2. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Công tác cải cách thủ tục hành chính

3.1. Nội dung triển khai

- Ban hành kịp thời kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo quy định, đảm bảo thực hiện 100% kế hoạch đề ra. Tất cả các vấn đề phát hiện qua rà soát phải được xử lý nếu thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh hoặc kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương xử lý, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định có liên quan đến TTHC.

- Đôn đốc các cơ quan, đơn vị công bố TTHC theo quy định và công khai TTHC kịp thời.

- Thường xuyên cập nhật TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia (chậm nhất là trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố).

- Các sở, ngành tỉnh, các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện công khai đầy đủ, đúng quy định các TTHC trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác rà soát, đánh giá tác động (nếu có) và kiểm soát TTHC đối với các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh. Đánh giá kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện công tác rà soát thủ tục hành chính, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh các thủ tục hành chính của tỉnh không còn phù hợp, thiếu tính khả thi nếu thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP và Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính. Đảm bảo 100% các phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC được xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền.

3.2. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

4. Công tác cải cách tổ chức bộ máy

4.1. Nội dung triển khai

- Ban hành kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của trên 30 % số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện trong năm. Đảm bảo 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền.

- Rà soát, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành.

- Tổ chức thực hiện các quy định về phân cấp do Chính phủ ban hành. Rà soát và thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã. Xử lý, hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra thực hiện phân cấp.

4.2. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ.
- Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, CC, VC

5.1. Nội dung triển khai

- Ban hành kịp thời kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm của tỉnh và đảm bảo thực hiện 100% kế hoạch giao.

- Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm tại các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện theo Đề án đã được phê duyệt. Hết năm 2018, 100% các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; bố trí công chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với từng vị trí. Đến năm 2020, 100% các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.

- Đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức nhằm thu hút người có tài nhưng phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đánh giá công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; tổ chức thi nâng

ngạch, thi thăng hạng theo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng.

- Việc bổ nhiệm công chức phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn và cơ cấu số lượng theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức, các văn bản hướng dẫn thi hành và theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh.

- Từng bước nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cấp xã. Phần đầu đạt trên 70% số cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm. Đến năm 2020, 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

5.2. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ.

- Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

6. Cải cách tài chính công

6.1. Nội dung triển khai

- Các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thuộc cấp tỉnh và cấp huyện quản lý tiếp tục thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan, trong đó:

+ 100% số đơn vị sự nghiệp công lập triển khai cơ chế tự chủ.

+ Phần đầu 100% số đơn vị sự nghiệp (đã triển khai cơ chế tự chủ) thực hiện đúng quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm.

- Thực hiện tốt việc thanh tra, kiểm tra tài chính trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước theo thẩm quyền.

6.2. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài chính.

- Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã; các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

7. Hiện đại hóa hành chính

7.1. Nội dung triển khai

- Hàng năm, ban hành kịp thời Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, đảm bảo hoàn thành 100% các hoạt động trong kế hoạch (có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch).

- Phấn đấu đến năm 2020: 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã triển khai ứng dụng phần mềm dùng chung, phần mềm quản lý văn bản; Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý từ cấp tỉnh đến cấp xã, nâng tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới dạng điện tử đạt trên 90%; Triển khai ứng dụng chữ ký số và Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang, nhất là thông tin CCHC, đảm bảo: tính kịp thời, mức độ đầy đủ của thông tin, mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin.

- Triển khai mở rộng cung cấp các dịch vụ công trực tuyến tại các cơ quan, đơn vị ở mức độ 3, 4; đảm bảo ít nhất 70% thủ tục hành chính cung cấp đạt mức 3 và 30% đạt mức độ 4. Nâng tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đảm bảo trên 40% TTHC mức 3 trở lên có phát sinh và giải quyết hồ sơ trực tuyến.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về công nghệ thông tin trong xã hội, đặc biệt là công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức và doanh nghiệp tiếp cận với các dịch vụ công qua mạng.

- Tổ chức triển khai nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

- Tiếp tục triển khai đối với các đơn vị chưa thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 lên 40% năm 2018 và 100% đến năm 2020.

- Theo dõi, hướng dẫn các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động và đã được cấp Giấy chứng nhận ISO tiếp tục duy trì hoạt động theo đúng quy trình ISO trong hoạt động.

7.2. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh triển khai.

- Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

8. Nâng cao chất lượng hoạt động của cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông

8.1. Nội dung triển khai

- Rà soát, đánh giá và đôn đốc các cơ quan, đơn vị có tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày

23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Đảm bảo 100% các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa; đảm bảo 95% - 100% số hồ sơ TTHC được tiếp nhận trong năm của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã được giải quyết đúng hạn và trước hạn.

- Có biện pháp củng cố, kiện toàn nhằm nâng cao chất lượng phục vụ tại Bộ phận Một cửa tại tất cả các cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu phục vụ tổ chức, công dân đến giao dịch giải quyết thủ tục hành chính. Đảm bảo từ 80% trở lên tổ chức, công dân đến giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cảm thấy hài lòng.

8.2. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

9. Đánh giá tác động của CCHC

9.1. Nội dung triển khai

- Ban hành các chính sách thu hút đầu tư, tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích các doanh nghiệp về đầu tư sản xuất và đầu tư mở rộng sản xuất. Phấn đấu nâng tỷ lệ doanh nghiệp được thành lập mới trong năm và mức thu hút đầu tư của tỉnh năm sau cao hơn năm trước.

- Nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ y tế công lập, giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

9.2. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho UBND tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã tập trung tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

2. Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này; sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm, đề xuất các biện pháp khắc phục những hạn chế, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời.

3. Sở Tài chính: chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tăng cường thông tin, tuyên truyền Chỉ số CCHC tỉnh Tiền Giang và kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch đề cán bộ, công chức và nhân dân trong tỉnh biết, giám sát việc thực hiện.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch này. **Trước ngày 25/11 hàng năm**, báo cáo kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch này chung với Báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp)./. *th*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Các đơn vị được nêu tại phần III;
- Công TTĐT tỉnh;
- VPUB: các PVP, BTCĐ, các P.NC;
- Lưu: VT, NC(S).

3b



Trần Chanh Đức

PHỤ LỤC

Mục tiêu phấn đấu nâng cao Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2018 - 2020

(Kèm theo Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 19/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	10	7.5	9.5	10	
1.1	Kế hoạch CCHC	1.5	1.5	1.5	1.5	
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	0.5	0.5	0.5	0.5	Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu thực hiện đúng tiến độ
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1	1	1	1	Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu, theo dõi, đôn đốc thực hiện đúng tiến độ
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	3	3	3	3	
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2	2	2	2	
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm	1	1	1	1	Sở Nội vụ tiếp tục duy trì thực hiện
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	1	1	1	Sở Nội vụ tiếp tục duy trì thực hiện
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1	1	1	1	
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0.5	0.5	0.5	0.5	Sở Nội vụ tiếp tục duy trì thực hiện
1.4.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	0.5	0.5	0.5	0.5	Sở Nội vụ tiếp tục duy trì thực hiện
1.5	<i>Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính</i>	1.5	0	1	1.5	Sở Nội vụ nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
1.6	<i>Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</i>	1	0	1	1	Văn phòng UBND tỉnh kiểm tra, rà soát, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VBQPPL TẠI TỈNH	10	8.37	8.5 - 9	9 - 10	
2.1	<i>Theo dõi thi hành pháp luật</i>	2	2	2	2	
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1	1	1	1	Sở Tư pháp tiếp tục duy trì thực hiện
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	1	1	1	Sở Tư pháp tiếp tục duy trì thực hiện
2.2	Xử lý VBQPPL sau rà soát	1.5	1.5	1.5	1.5	Sở Tư pháp tiếp tục duy trì thực hiện
2.3	<i>Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra</i>	1.5	1.46	1.5	1.5	Sở Tư pháp tăng cường kiểm tra, rà soát và tham mưu xử lý văn bản trái pháp luật
2.4	<i>Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành (qua điều tra XHH)</i>	5	3.41	3.5 - 4	4 - 5	Sở Tư pháp tăng cường kiểm tra, rà soát tính đồng bộ, thống nhất, hợp lý, khả thi của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh và kịp thời phát hiện, xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	14.5	12.49	14	14.5	
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	1.5	1.5	1.5	1.5	

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0.5	0.5	0.5	0.5	Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	1	1	1	1	Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện
3.2	Công bố, công khai thủ tục hành chính	4	3.5	4	4	
3.2.1	Công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	0.5	0.5	0.5	0.5	Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện
3.2.2	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	1	1	1	1	Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện
3.2.3	<i>Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC</i>	<i>1</i>	<i>0.5</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	Văn phòng UBND tỉnh tăng cường kiểm tra, rà soát, đảm bảo các cơ quan cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định
3.2.4	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	1.5	1.5	1.5	1.5	Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	4.5	4.5	4.5	4.5	
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (sở, ban, ngành) được thực hiện theo cơ chế một cửa	0.5	0.5	0.5	0.5	Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
3.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	1	1	1	1	Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện
3.3.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa (Không tính các xã thuộc huyện đảo)	1	1	1	1	Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện
3.3.4	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	1	1	1	1	Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện
3.3.5	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	1	1	1	1	Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện
3.4	Kết quả giải quyết TTHC	3	1.99	2.5	3	
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	0	0.5	1	Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đảm bảo từ 95% - 100% hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	0.99	1	1	UBND cấp huyện đảm bảo từ 95% - 100% hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	0.99	1	1	UBND cấp xã đảm bảo từ 95% - 100% hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
3.5	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1.5	1	1.5	1.5	
3.5.1	<i>Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh</i>	0.5	0	0.5	0.5	Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh
3.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1	1	1	1	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị tiếp tục duy trì thực hiện
4	CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	11	7.03	9 - 10	10 - 11	
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	2.5	0	1.5 - 2	2.5	
4.1.1	<i>Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện</i>	1	0	1	1	Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện đúng quy định.
4.1.2	<i>Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính</i>	1.5	0	0.5 - 1	1 - 1.5	Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh giải pháp thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính.

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	2	2	2	2	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1	1	1	1	Các cơ quan hành chính duy trì sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao.
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	1	1	1	1	Các ĐVSN công lập của tỉnh duy trì sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao.
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	2	2	2	2	
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0.5	0.5	0.5	0.5	Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu duy trì thực hiện
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	0.5	0.5	0.5	0.5	Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu duy trì thực hiện
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1	1	1	1	Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu duy trì thực hiện

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
4.4	<i>Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính (qua điều tra XHH)</i>	4.5	3.03	3.5 - 4	4 - 4.5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND tăng cường kiểm tra, bảo đảm thực hiện đúng Quy chế làm việc của UBND tỉnh. - Sở Nội vụ kiểm tra, rà soát, bảo đảm tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh. - Sở Nội vụ kiểm tra, rà soát, bảo đảm tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện.
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CBCCVC	16	7.45	13.8 - 15.3	15.3 - 16	
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2	0.25	1 - 2	2	
5.1.1	<i>Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt</i>	1	0.25	0.5 - 1	1	Sở Nội vụ kiểm tra, rà soát, bảo đảm các cơ quan hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.
5.1.2	<i>Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt</i>	1	0	0.5 - 1	1	Sở Nội vụ kiểm tra, rà soát, bảo đảm đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	1	0	1	1	

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	0.5	0	0.5	0.5	- Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh. - UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức cấp xã.
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0.5	0	0.5	0.5	- Các ĐVSN công lập thuộc tỉnh thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức (nếu có). - Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra, bảo đảm thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức.
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	1	1	1	1	
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0.5	0.5	0.5	0.5	Sở Nội vụ tham mưu duy trì thực hiện đúng quy định
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0.5	0.5	0.5	0.5	Các ĐVSN công lập trong tỉnh duy trì thực hiện đúng quy định
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	3	0	3	3	Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1	0.5	1	1	
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0.5	0.5	0.5	0.5	Sở Nội vụ duy trì thực hiện đúng quy định

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	0.5	0	0.25	0.25	- Thủ trưởng các ngành, các cấp quán triệt cho đội ngũ CBCVC chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính. - Sở Nội vụ tăng cường kiểm tra công vụ.
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1	1	1	1	Sở Nội vụ duy trì tổ chức thực hiện đúng quy định
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã	1	0.5	1	1	
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0.5	0.25	0.5	0.5	UBND cấp huyện rà soát, có giải pháp bảo đảm tỷ lệ 100% công chức cấp xã đạt chuẩn.
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0.5	0.25	0.5	0.5	UBND cấp huyện rà soát, có giải pháp bảo đảm tỷ lệ 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn.
5.8	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức (qua điều tra XHH)	2	1.56	1.8	1.8 - 2	Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh và tổ chức thực hiện các giải pháp bảo đảm tính công khai, minh bạch, ngăn ngừa tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức.

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
5.9	<i>Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ CC, VC (qua điều tra XHH)</i>	4	2.64	3 - 3.5	3.5 - 4	Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh và tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc; nâng cao hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính; khắc phục tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong xử lý công việc.
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	7	5.23	6.3 - 6.5	6.5 - 7	
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1	1	1	1	Sở Tài chính tiếp tục tham mưu duy trì thực hiện
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	3	2	3	3	
6.2.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	1	1	1	1	Sở Tài chính tiếp tục duy trì thực hiện
6.2.2	<i>Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên</i>	1	0	1	1	Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh và tổ chức thực hiện các giải pháp tăng số lượng đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	1	1	1	1	Sở Tài chính tiếp tục duy trì thực hiện

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
6.3	<i>Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công (qua điều tra XHH)</i>	3	2.23	2.3 - 2.5	2.5 - 3	- Các cơ quan hành chính và đơn vị SNCL trong tỉnh thực hiện tốt quy định tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị; nâng cao hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập. - Sở Tài chính thường xuyên kiểm tra việc thực hiện, kịp thời chấn chỉnh những sai sót
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	16	11.69	13.6 - 14.3	14.3 - 15.5	
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh	4.5	4.37	4.5	4.5	
7.1.1	<i>Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT</i>	1	0.96	1	1	Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm.
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	0.5	0.5	0.5	0.5	Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục duy trì thực hiện.
7.1.3	<i>Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử</i>	1	0.91	1	1	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp đảm bảo tỷ lệ 90% trở lên văn bản được trao đổi dưới dạng điện tử.
7.1.4	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)	1	1	1	1	Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục duy trì thực hiện.

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
7.1.5	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	1	1	1	1	Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục duy trì thực hiện.
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2.5	0.61	1.6 - 1.8	1.8 - 2	
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.5	0	0.3	0.5	Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh và tổ chức thực hiện các giải pháp tăng số lượng hồ sơ TTHC cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, 4
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1	0.61	0.8 - 1	0.8 - 1	Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh và tổ chức thực hiện các giải pháp tăng tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3.
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1	0	0.5	0.5	Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh và tổ chức thực hiện các giải pháp tăng tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4.
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	2.5	2.5	2.5	2.5	
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0.5	0.5	0.5	0.5	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp tiếp tục duy trì thực hiện
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	1	1	1	1	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp tiếp tục duy trì thực hiện
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1	1	1	1	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp tiếp tục duy trì thực hiện

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	2.5	1.25	2	2 - 2.5	
7.4.1	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 theo quy định	0.5	0.25	0.5	0.5	Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh và tổ chức thực hiện các giải pháp để đạt được 100% CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 theo quy định.
7.4.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định	1	0	0.5	0.5 - 1	Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh và tổ chức thực hiện các giải pháp để đạt từ 40% trở lên ĐVHC cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định.
7.4.3	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	1	1	1	1	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục duy trì thực hiện
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính (qua điều tra XHH)	4	2.96	3 - 3.5	3.5 - 4	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND chỉ đạo các cơ quan, đơn vị bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ của thông tin được cung cấp và sự thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. - Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quy trình ISO.

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt được năm 2017	Mục tiêu năm 2018	Mục tiêu năm 2019-2020	Thực hiện
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH	15.5	13.88	14.5	15.5	
8.1	<i>Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh</i>	12	11.88	12	12	Điều tra XHH
8.2	<i>Tác động của CCHC đến sự phát triển KT - XH của tỉnh</i>	3.5	2	2.5	3.5	
8.2.1	<i>Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh</i>	1	0	0.5	1	Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh và tổ chức thực hiện các giải pháp tăng mức độ thu hút đầu tư của tỉnh hàng năm
8.2.2	<i>Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm</i>	1	0.5	0.5	1	Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh và tổ chức thực hiện các giải pháp tăng tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới hàng năm
8.2.3	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1.5	1.5	1.5	1.5	Cơ quan tài chính các cấp tiếp tục duy trì thực hiện
TỔNG ĐIỂM		100	73.64	89.2 - 93.1	93.1 - 99.5	